|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI**Số: /2023/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Đồng Nai, ngày tháng năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Mức chi, chế độ hỗ trợ thực hiện biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ Quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số* [*/TTr-UBND*](https://vanbanphapluat.co/van-ban-lien-quan?id=285/TTr-UBND)*ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi, chế độ hỗ trợ thực hiện biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Báo cáo thẩm tra số /BC-BVHXH ngày tháng năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

 **Điều 1.** Thông qua mức chi, chế độ hỗ trợ thực hiện biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

 Quy định này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma tuý, người trực tiếp quản lý đối tượng cai nghiện ma túy, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Người nghiện ma tuý bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

c) Công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Cơ sở quản lý người nghiện ma túy công lập và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy công lập và quản lý sau cai nghiện ma túy.

**3. Nội dung và mức chi, chế độ hỗ trợ**

**3.1. Mức chi, hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy**

a) Chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dung biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian cai nghiện tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh.

- Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 0,9 lần mức lương cơ sở hiện hành (bao gồm cả tiền vệ sinh phụ nữ)/người/năm.

- Tiền học nghề:

+ Đối với người bình thường: 2.000.000 đồng/người/khóa học.

+ Đối với người khuyết tật: 6.000.000 đồng/người/khóa học.

- Chi phòng dịch: 5.000 đồng/người/tháng.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 150.000đồng/người/tháng.

- Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.

- Vệ sinh môi trường: 15.000 đồng/người/tháng

b) Chi thực hiện chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh.

- Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: (bao gồm cả tiền vệ sinh phụ nữ): 800.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: 600.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng.

- Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Chi phòng dịch: 5.000 đồng/người/tháng.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 150.000đồng/người/tháng.

- Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.

- Vệ sinh môi trường: 15.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng.

c) Mức chi, mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định tại Khu xã hội Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh trong thời gian hoàn tất hồ sơ chuyển Tòa án nhân dân xem xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: 600.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.

- Chi phòng dịch: 5.000 đồng/người/tháng.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 150.000 đồng/người/tháng.

- Vệ sinh môi trường: 15.000 đồng/người/tháng.

d) Chi hỗ trợ kinh phí cai nghiện đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (thực hiện việc điều trị, cắt cơn nghiện tại các cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tập trung cấp huyện), như sau:

- Tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày). Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Chi phí khám sức khỏe: 200.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: 600.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày).

- Tiền nước uống: 10.000 đồng/người/ngày (không quá 15 ngày).

Chỉ hỗ trợ 01 ( một) lần.

**3.2. Nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện và quản lý sau cai nghiện ma túy**

- Mức chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã bằng 0,6 mức lương cơ sở/người/tháng.

- Thời gian chi trả hỗ trợ: Trả cùng kỳ lương hàng tháng, mức hỗ trợ này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

**3.3. Chi chế độ đặc thù đối với viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở quản lý người nghiện ma túy**

a) Đối tượng được hỗ trợ

Công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, Điều động, biệt phái đã được xếp lương theo Nghị định số [204/2004/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-204-2004-nd-cp-che-do-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-luc-luong-vu-trang-52629.aspx) ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang làm việc tại Cơ sở quản lý người nghiện ma túy công lập và người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh; cơ sở điều trị bằng nghiện ma túy dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Methadone), Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tập trung cấp huyện do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

b) Các trường hợp không được hỗ trợ

- Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không trực tiếp làm các công việc tại cơ sở cai nghiện liên tục từ 06 tháng trở lên;

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

- Thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc không được làm các công việc tại cơ sở quản lý người cai nghiện ma tuý và người sau cai nghiện ma tuý theo quy định của pháp luật.

c) Mức hỗ trợ và thời gian chi trả

d) Người làm việc tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh; Cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Methadone)

- Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Thời gian chi trả hỗ trợ: Trả cùng kỳ lương hàng tháng.

đ) Người làm việc tại các Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tập trung cấp huyện

- Mức hỗ trợ: 100.000 đồng/người/ngày, theo số ngày thực tế làm việc tại cơ sở

- Thu nhập từ nguồn hỗ trợ không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

**4.** Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện bằng mức chi hỗ trợ tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

**5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách Nhà nước của:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với các khoản chi, hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy bắt buộc, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh; người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định tại Khu xã hội trong thời gian hoàn tất hồ sơ chuyển Tòa án nhân dân xem xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.Chi hỗ trợ cho người làm công tác cai nghiện ma túy tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh.

b) Sở Y tế đối với khoản chi hỗ trợ cho người làm việc tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Methadone).

c) Cấp huyện đối với các khoản chi, hỗ trợ cho người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện cắt cơn nghiện tại các cơ sở điều trị, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tập trung cấp huyện. Chi hỗ trợ cho người làm việc tại cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tập trung cấp huyện.

d) Cấp xã đối với các khoản chi, hỗ trợ cho người thực hiện nhiệm vụ quản lý người cai nghiện ma túy tự nguyện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết nảy có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**.**

- Nghị quyết 140/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại cộng đồng và tại các cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1Nghị quyết số 140/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại cộng đồng và tại các cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội (A+B);- Chính phủ;- Văn phòng Chính phủ (A+B);- Vụ pháp chế các Bộ: Tư pháp, Y tế, Tài chính, Nội vụ;- Cục Kiểm tra VB QPPL Bộ Tư pháp;- Bí thư Tỉnh ủy;- Thường trực Tỉnh ủy;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Các Đại biểu HĐND tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;- TT. HĐND, UBND cấp huyện;- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT; PCTHĐ. | **CHỦ TỊCH****Thái Bảo** |